

Bản án số: **105/2020/HS-PT**

Ngày 25/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Thẩm phán:

Ông **Bùi Trọng Danh**

Bà **Dương Thị Hồng Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2020/TLPT-HS ngày 26/6/2020 đối với bị cáo Trần Quốc T do có kháng nghị của VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo bị kháng nghị: **Trần Quốc T**, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1993 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn 1, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Y sĩ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần T và bà Hồ Thị P (*Cả hai đều còn sống*); Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/02/2017. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cá độ bóng đá bị thua và nợ nần nhiều nên Trần Quốc T nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người khác.

Khoảng đầu tháng 6/2016, thông qua một người tên H ở Gia Lai (*không rõ nhân thân, lai lịch*) hướng dẫn T lên mạng Internet tìm kiếm hình ảnh và thông tin về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*GCNQSDĐ*) của một người khác đang rao bán và gửi cho các tài khoản Facebook tên “*Phan Anh*” và “*Hoang Thai*” nhờ làm (*GCNQSDĐ*) 01 lô đất tại phường Đ, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng với giá 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Hai ngày sau, T được 01 người có tên Zalo là “*CaoMinhChieu*” thông báo đã làm xong (*GCNQSDĐ*) giả, gửi hình ảnh giả qua Zalo cho T xem trước và gửi số tài khoản cá nhân tại Ngân hàng Sacombank để T chuyển tiền. Sau khi có được (*GCNQSDĐ*) giả, T nhờ bạn là Trương Quang C giới thiệu cầm cố cho anh Võ Kim B vay số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*). Số tiền này T đã sử dụng trả nợ thua cá độ bong đá và tiêu xài cá nhân hết. Đến hạn không trả được nợ, T nhờ B giới thiệu một người khác để cầm cố lấy tiền trả B. Lúc này có ông Trương H là bà con của anh B đến chơi. Anh B giới thiệu T có lô đất cần bán, anh H điện thoại nói cho vợ là bà Nguyễn Thị Yến N thì chị N yêu cầu phải đi xem đất. Thực tế T không biết vị trí cụ thể của lô đất ghi trong (*GCNQSDĐ*) nên T nói với ông H là do mua đất đã lâu, nay quên vị trí cụ thể nên T cùng ông H đến UBND phường Đ, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng gặp bộ phận địa chính phường để hỏi. Sau khi được ông Bùi Sỹ Q là cán bộ địa chính phường chỉ dẫn đến xem lô đất, T và vợ chồng ông H thỏa thuận giá mua, bán lô đất là 330.000.000đ (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*), đưa trước 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). Trước khi giao nhận tiền các bên đến văn phòng công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng. Vì sợ vợ chồng ông H phát hiện ra nên T yêu cầu chưa làm thủ tục sang tên với lý do để sau Tết T có nhu cầu lấy lại, T sẽ trả thêm tiền lãi cho vợ chồng ông H về việc chưa làm thủ tục sang tên. Thỏa thuận xong các bên đến văn phòng công chứng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nộp hồ sơ đề nghị công chứng HĐ chuyển nhượng nhưng đều bị từ chối vì T thiếu giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Đến ngày 25/11/2016, sau khi xin được giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thì T rủ C và anh B cùng ra Đà Nẵng tiếp tục thực hiện việc mua bán đất với vợ chồng ông H. Các bên tiếp tục đến Văn phòng công chứng T tại số 323 L, quận K, thành phố Đà Nẵng nộp hồ sơ yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi ký xong hợp đồng chuyển nhượng, các bên về lại nhà ông H để giao nhận tiền. Tại đây, vợ chồng ông H giao trước cho T 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), nhưng có khấu trừ lãi suất là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) như đã thỏa thuận. Xong T cùng C và anh B đi về. Số tiền có được T dùng 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) trả cho anh B, cho anh

Trịnh Minh C mượn 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) còn lại trả nợ thua cá độ bóng đá và tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng một tháng sau, T gọi điện cho bà N yêu cầu đưa thêm tiền, T được bà N tin tưởng giao thêm 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) nhưng có khấu trừ lãi suất là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Số tiền này T tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 04 ngày sau, T tiếp tục gọi điện cho bà N yêu cầu đưa thêm tiền, T nhờ em ruột là Trần Viết T đến nhà bà N lấy tiền giúp. T đến nhà bà N được bà N giao cho số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) nhưng có khấu trừ lãi suất 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*). Số tiền trên T nhờ T trả nợ giúp cho 01 người bạn tên T (*không rõ lai lịch*) hết 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*), còn lại T chuyển khoản cho T. T tiêu xài cá nhân hết số tiền này. Đến ngày 25/01/2017, T nảy sinh ý định muốn lấy thêm số tiền cao hơn mức thỏa thuận nên gọi điện cho bà N giả vờ nói là có người đã trả giá lô đất trên với giá 380.000.000đ (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) mục đích để bà N đưa thêm tiền, nhưng bà N chỉ đồng ý đúng như giá đã thỏa thuận. Sau đó, T giả vờ quyết định bán luôn lô đất cho bà N và được bà N tin tưởng giao đủ số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) còn lại. Số tiền này T tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền T đã nhận được của vợ chồng ông H là 308.000.000đ (*Ba trăm không tám triệu đồng*). Đến ngày 03/02/2017, vợ chồng ông H gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận L, thành phố Đà Nẵng để đăng ký chuyển quyền sở hữu. Qua tra cứu xác định thửa đất trên đang thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị H, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nghi ngờ (*GCNQSDĐ*) có dấu hiệu giả mạo nên đã chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại Bản án sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

- *Căn cứ:* Điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Trần Quốc T: **04 (Bốn)** năm, **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- *Căn cứ:* Điểm c khoản 2 Điều 267 của BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Trần Quốc T: **01 (Một)** năm, **03 (Ba)** tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ: Điều 55 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Buộc bị cáo Trần Quốc T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là: **05 (Năm) năm, 09 (Chín) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/02/2017.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Ngày 04/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng có Quyết định Kháng nghị số: 01/QĐ-VKSTK kháng nghị phúc thẩm một phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2020/HSST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về việc áp dụng Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đối với bị cáo Trần Quốc T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng: Không áp dụng Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị số: 01/QĐ-VKSTK ngày 04/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đối với một phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2020/HSST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo Trần Quốc T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quyết định Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng trong hạn luật định nên đảm bảo hợp lệ.

- Về nội dung: Bị cáo Trần Quốc T “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” để thực hiện hành phạm tội rất nghiêm trọng về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định theo điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999 có khung hình phạt tù từ 07 (bảy) năm đến 15 (mười lăm) năm. Do vậy, đối với hành vi phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là thuộc trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 có khung hình phạt tù từ 02 (hai) năm đến 05 (năm) tù. Khi xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), qua đó, áp dụng Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” để xử phạt bị cáo Trần Quốc T 04 (bốn) năm, 06 (sáu) tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt

quy định tại khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999 là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục xong hậu quả thể hiện sự ăn năn hối cải, nên áp dụng điểm s khoản 1, Điều 51 và Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) xử phạt bị cáo T 01(một) năm, 03 (ba) tháng tù về tội danh này dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 267 BLHS 1999 là chưa đảm bảo nguyên tắc áp dụng hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2015). Do đó, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2, Điều 357 BLTTHS chấp nhận một phần kháng nghị của VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với bị cáo T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo hướng sửa Bản án sơ thẩm, không áp dụng Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2015), tăng hình phạt tù về tội danh này đối với bị cáo T là phù hợp.

Bị cáo Trần Quốc T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về hai tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là đúng pháp luật, không oan cho bị cáo. Mức hình phạt 05 (năm) năm, 09 (chín) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử áp dụng cho hai tội danh đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, bị cáo xin HĐXX không chấp nhận một kháng nghị của VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về tăng hình phạt tù cho bị cáo đối với tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo tốt sớm được đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Quốc T khai nhận: Do thua tiền cá độ bóng đá, dẫn đến nợ nần nhiều. Vì vậy, để có tiền trả nợ, đầu tháng 6/2016 thông qua mạng xã hội có tài khoản Facebook tên “*Phan Anh*” và “*Hoàng Thái*” bị cáo nhờ làm giả cho bị cáo một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 01(một) lô đất có địa chỉ tại phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng đứng tên Trần Quốc T với giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau khi có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên, bị cáo thực hiện hành vi gian dối lừa bán cho vợ chồng ông Trương H và bà Nguyễn Thị Yến N chiếm đoạt số tiền 308.000.000đ (Ba trăm không tám triệu đồng) lấy tiền trả nợ và chi tiêu các nhu. Với hành vi trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HSST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 3 Điều 139 và điểm c

khoản 2 Điều 267 của BLHS 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[1.1] Về mức hình phạt 05 (*năm*) năm, 09 (*chín*) tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử áp dụng cho cả hai tội danh nêu trên bị cáo cho rằng là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Vì vậy, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không kháng cáo đối với Bản án. Tuy nhiên, trong hạn luật định VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét thấy việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung 2017*) xử phạt bị cáo 01 (*một*) năm, 03 (*ba*) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 là chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung 2017*). Do đó, kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HSST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về mức hình phạt cho tội danh này, theo hướng không áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung 2017*), tăng hình phù tù đối với bị cáo.

[1.2] Về phía bị cáo T, tuy không có kháng cáo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng: Trong thời gian chấp hành án tại Trại giam An Điền, tỉnh Quảng Nam bị cáo đã ăn năn hối cải, lao động, học tập, cải tạo tốt nên đã được Trại giam An Điền có văn bản đề nghị xét giảm án và được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét giảm án cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo xin HĐXX xem xét không chấp nhận một kháng nghị của VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về việc tăng hình phạt tù cho bị cáo đối với tội danh “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo tốt sớm được đoàn tụ với gia đình.

[2]. Xét nội dung một phần Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về việc không áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung 2017*) và tăng hình phạt tù đối với tội danh “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và việc đề nghị của bị cáo Trần Quốc T xin giữ nguyên mức hình phạt tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HSST ngày 21/5/2020, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về hành vi phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bị cáo Trần Quốc T là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an xã hội, Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HSST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xem xét đầy đủ, một cách khách quan toàn diện về tính chất vụ án, hành vi phạm tội, mức

độ hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại, trên cơ sở đó áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999 và các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm, 06 (sáu) tháng tù cho tội danh này là phù hợp, nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị, nên HĐXX không xem xét giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[2.2] Về hành vi phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” của bị cáo Trần Quốc T là thuộc trường hợp nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan, tổ chức Nhà nước, qua đó để thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” gây hậu quả rất nghiêm trọng là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 267 của BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có khung hình phạt tù từ 02 (hai) năm đến 05 (năm) tù. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng *“Đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, quá trình điều tra, và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục xong hậu quả thể hiện sự ăn năn hối cải “* qua đó, áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) xử phạt bị cáo 01 (một) năm, 03 (ba) tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 là chưa đảm bảo nguyên tắc áp dụng hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2015), bởi lẽ, khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định *“Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.....khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật này”*. Như vậy, xét trong trường hợp này bị cáo chỉ có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), đồng thời tình tiết này cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng cho bị cáo ở tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt của điều luật như viện trên là không đúng với quy định của pháp luật. Vì lẽ trên, HĐXX cấp phúc thẩm thấy rằng VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng kháng nghị một phần Bản án số: 51/2020/HSST ngày 21/5/2020 về mức hình cho tội danh này, và không áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), để tăng hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, sửa Bản án sơ thẩm tăng hình phạt tù đối với bị cáo về tội danh này là cần thiết. Do đó, HĐXX không chấp nhận

lời đề nghị của bị cáo về việc giữ nguyên mức hình phạt tù về tội danh này như Bản án sơ thẩm đã quyết định.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo Trần Quốc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

* Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về mức hình phạt tù đối với bị cáo Trần Quốc T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, tăng hình phạt tù và không áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), sửa Bản án sơ thẩm.

- **Căn cứ:** Điểm a khoản 3 Điều 139 của BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Trần Quốc T: 04 (Bốn) năm, 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- **Căn cứ:** Điểm c khoản 2 Điều 267 của BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Trần Quốc T: 02 (Hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ: Điều 55 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội buộc bị cáo Trần Quốc T phải chấp hành là: **06 (sáu) năm, 06 (sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 09/02/2017.

1. **Về án phí:** Bị cáo Trần Quốc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Thanh Khê;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT Công an quận Thanh Khê;
- Toà án nhân dân quận Thanh Khê;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Vĩnh Chuyển

